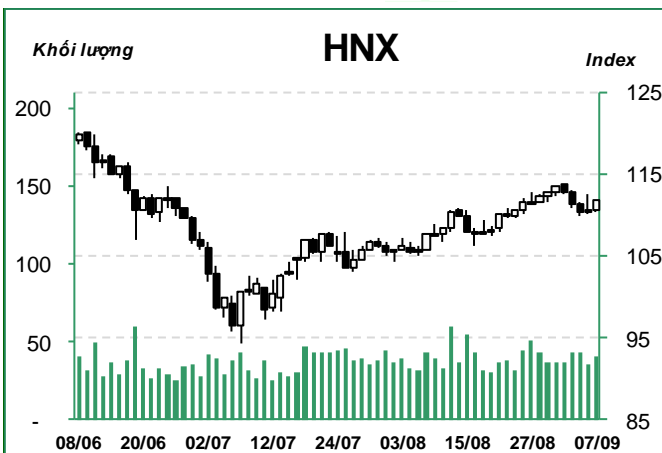
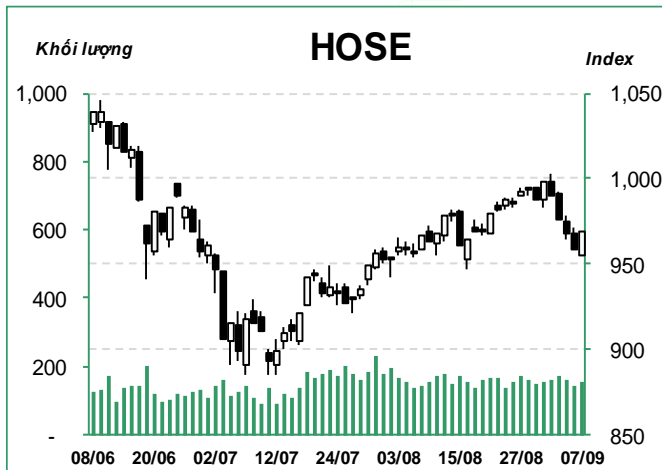


## Tổng quan thị trường

| 07/09/2018                  | HOSE            |               | VN30            |                | HNX             |               |
|-----------------------------|-----------------|---------------|-----------------|----------------|-----------------|---------------|
|                             | Giá trị         | Thay đổi %    | Giá trị         | Thay đổi %     | Giá trị         | Thay đổi %    |
| <b>Giá trị đóng cửa</b>     | <b>968.90</b>   | <b>1.12%</b>  | <b>945.59</b>   | <b>1.45%</b>   | <b>111.70</b>   | <b>1.11%</b>  |
| Cuối tuần trước             | 989.54          | -2.09%        | 969.23          | -2.44%         | 112.79          | -0.97%        |
| Trung bình 20 ngày          | 977.95          | -0.93%        | 956.01          | -1.09%         | 110.49          | 1.10%         |
| <b>Tổng KLGD (triệu cp)</b> | <b>169.77</b>   | <b>5.85%</b>  | <b>49.62</b>    | <b>0.31%</b>   | <b>43.58</b>    | <b>15.29%</b> |
| <b>KLGD khớp lệnh</b>       | <b>152.62</b>   | <b>7.30%</b>  | <b>46.81</b>    | <b>3.77%</b>   | <b>40.17</b>    | <b>11.27%</b> |
| Trung bình 20 ngày          | 158.69          | -3.83%        | 54.38           | -13.91%        | 40.33           | -0.40%        |
| <b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>  | <b>3,455.19</b> | <b>-2.51%</b> | <b>1,697.76</b> | <b>-12.04%</b> | <b>569.06</b>   | <b>3.89%</b>  |
| <b>GTGD khớp lệnh</b>       | <b>3,116.46</b> | <b>4.46%</b>  | <b>1,571.58</b> | <b>-6.13%</b>  | <b>515.90</b>   | <b>-1.70%</b> |
| Trung bình 20 ngày          | 3,589.01        | -3.73%        | 2,038.30        | -16.71%        | 606.35          | -6.15%        |
|                             | <b>Tỷ trọng</b> |               | <b>Tỷ trọng</b> |                | <b>Tỷ trọng</b> |               |
| <b>Số mã tăng</b>           | 190             | 56%           | 26              | 87%            | 99              | 26%           |
| <b>Số mã giảm</b>           | 94              | 28%           | 2               | 7%             | 61              | 16%           |
| <b>Số mã đứng giá</b>       | 57              | 17%           | 2               | 7%             | 215             | 57%           |



Thị trường có nhịp hồi phục sau chuỗi 4 phiên giảm điểm liên tiếp. Mặc dù các chỉ số đóng cửa ở mức cao nhất trong ngày nhưng nhà đầu tư vẫn tỏ ra thận trọng khi giá trị giao dịch duy trì ở mức thấp. Những lo ngại về dòng chảy thương mại quốc tế có thể ảnh hưởng đến Việt Nam vẫn chưa dịu bớt khi chiến tranh thương mại ngày càng căng thẳng hơn.

VN-Index lấy lại 10 điểm đã mất phiên trước và kết phiên tại mức 968.90 điểm (+1.12%), KLGD khớp lệnh đạt 152.6 triệu cổ phiếu (+7.3%), tương đương 3,116 tỷ đồng giá trị (+4.5%).

Lực cầu tích cực từ khối ngoại giúp VNM có phiên bật tăng mạnh 4.1% và là tâm điểm dẫn dắt sàn HSX trong phiên hôm nay. Sự thăng hoa đồng loạt của các cổ phiếu ngân hàng như VCB (+2.8%), BID (+3.5%), CTG (+2.3%), TPB (+6.9%), MBB (+1.8%), VPB (+1.6%) giúp VN-Index tăng điểm vững chắc. Trong khi đó, cặp đôi HNG (-6.5%) và HAG (-3.3%) tiếp nối chuỗi giảm điểm sau hơn hai tháng tăng nóng. HAG vẫn nằm trong diện cảnh báo khi lợi nhuận sau thuế 6 tháng của cổ đông công ty mẹ là -34,54 tỷ đồng và kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2018. Gánh nặng của thị trường cũng đến từ cặp vốn hóa lớn nhất HSX là VIC (-0.8%) và VHM (-0.2%), khi áp lực bán ròng của khối ngoại đối với VIC vẫn tiếp diễn. Ngược lại, VRE (+3.0%) diễn biến tích cực hơn nhờ lực cầu mạnh từ khối ngoại.

Khối ngoại đảo chiều mua ròng trên sàn HOSE, đạt giá trị 151.3 tỷ đồng, lực mua tập trung ở các mã HPG (+53.6 tỷ), VCB (+48.6 tỷ), VNM (+34.5 tỷ) trong khi bán ròng mạnh nhất NVL (-19.4 tỷ), GAS (-13.1 tỷ), VIC (-9.9 tỷ).

HNX-Index có diễn biến tương tự, chỉ số chốt phiên tại mức 111.70 điểm (+1.11%), với KLGD khớp lệnh đạt 40.2 triệu cổ phiếu (+11.3%), tương đương 515.9 tỷ đồng giá trị (-1.7%).

## Giao dịch thỏa thuận

| Mã CK       | Khối lượng ('000 cp) | GTGD (tỷ đồng) |
|-------------|----------------------|----------------|
| <b>HOSE</b> |                      |                |
| SAM         | 4,600.4              | 32.94          |
| KDC         | 963.2                | 29.94          |
| NVL         | 420.0                | 26.04          |
| TCB         | 1,003.1              | 25.91          |
| MSN         | 230.0                | 21.66          |
| EIB         | 1,440.0              | 18.79          |
| DXG         | 492.6                | 12.81          |
| HPG         | 300.0                | 10.80          |
| PNJ         | 100.0                | 10.27          |
| VRE         | 300.0                | 10.22          |
| <b>HNX</b>  |                      |                |
| AMV         | 1,200.0              | 31.20          |
| SHB         | 1,800.1              | 14.41          |
| VGC         | 402.4                | 6.88           |
| MAS         | 15.0                 | 0.68           |
| NDN         | 0.1                  | 0.00           |

Trên HNX, nhóm tài chính dẫn dắt thị trường, chủ yếu là ngân hàng ACB (+2.1%), SHB (+1.2%), NVB (+2.4%) và chứng khoán MBS (+8.7%), SHS (+2.1%), VIX (+1.4%), PSI (+3.6%), APS (+3.2%), VIG (+5.9%). Trong khi đó, lực cản đến từ xây dựng VCG (-2.9%), LHC (-9.0%), SD6 (-5.8%) và dầu khí PVS (-0.5%), PCG (-9.2%), PCN (-10.0%).

Khối ngoại đảo chiều bán ròng trên sàn Hà Nội, đạt giá trị 20.5 tỷ đồng, trong đó VGC (-9.9 tỷ), PVS (-7.3 tỷ), CEO (-2.4 tỷ) bị bán ra nhiều nhất và chiều ngược lại, DBC (+2.1 tỷ), NTP (+0.3 tỷ), SHS (+0.3 tỷ) là những mã được mua ròng nhiều nhất.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch gia tăng so với phiên trước đó nhưng vẫn dưới mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền vẫn có sự thận trọng nhất định. Không những vậy, xu hướng chính trong ngắn hạn của chỉ số có thể vẫn là điều chỉnh, khi chỉ số đang duy trì đóng cửa dưới MA5 và 20, kèm theo đường +DI cắt xuống -DI cho tín hiệu củng cố xu hướng điều chỉnh hiện tại, phiên tăng điểm vừa qua có thể chỉ nằm trong một nhịp hồi kỹ thuật kéo dài 2-3 phiên. Ngưỡng kháng cự cho nhịp hồi hiện tại có thể là vùng 977 điểm (MA20). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tích cực hơn. Chỉ số vẫn duy trì được xu hướng phục hồi, khi chỉ số có phiên tăng thứ hai liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA5 và 20, kèm theo khối lượng gia tăng tích cực. Ngưỡng kháng cự gần có thể là vùng 112.7 điểm tương đương với MA100. Nhìn chung, áp lực điều chỉnh trong ngắn hạn của thị trường có thể là vẫn còn, phiên tăng điểm ngày 7/9 có thể chỉ nằm trong một nhịp phục hồi kỹ thuật của thị trường. Do đó, nhà đầu tư có thể tận dụng nhịp phục hồi kỹ thuật này để hạ tỷ trọng với các vị thế lướt sóng ngắn hạn nhằm tạo sự an toàn cho danh mục của mình.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| HAR   | 6.0                 | 1,308.0        | 7.0%         |
| DHM   | 4.0                 | 375.2          | 7.0%         |
| YBM   | 26.3                | 413.0          | 6.9%         |
| TPB   | 26.4                | 334.2          | 6.9%         |
| HVG   | 3.9                 | 297.3          | 6.9%         |

#### Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| KAC   | 11.3                | 0.1            | -7.0%        |
| RIC   | 7.2                 | 0.0            | -7.0%        |
| YEG   | 218.6               | 27.1           | -7.0%        |
| LAF   | 6.1                 | 1.6            | -7.0%        |
| HRC   | 33.5                | 0.0            | -6.9%        |

#### Top 5 giá trị

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| HPG   | 39.7                | 212.7             | 2.7%         |
| ASM   | 13.3                | 153.5             | 1.5%         |
| SSI   | 31.5                | 122.4             | 1.9%         |
| CTG   | 26.5                | 113.1             | 2.3%         |
| VNM   | 127.1               | 111.1             | 4.1%         |

#### Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| ASM   | 13.3                | 11,558.2       | 1.5%         |
| HAG   | 5.9                 | 9,683.0        | -3.3%        |
| FLC   | 6.2                 | 5,540.1        | 0.2%         |
| HPG   | 39.7                | 5,407.4        | 2.7%         |
| HNG   | 16.6                | 5,330.5        | -6.5%        |

### HNX

#### Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| ACM   | 0.9                 | 249.7          | 12.5%        |
| BII   | 0.9                 | 408.5          | 12.5%        |
| VCR   | 3.3                 | 3.0            | 10.0%        |
| VE3   | 11.2                | 2.1            | 9.8%         |
| VNF   | 42.6                | 0.2            | 9.8%         |

#### Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| PSW   | 8.1                 | 0.1            | -10.0%       |
| DPS   | 0.9                 | 366.7          | -10.0%       |
| PCN   | 2.7                 | 0.3            | -10.0%       |
| SRA   | 62.6                | 1.7            | -9.9%        |
| KTS   | 18.4                | 0.2            | -9.8%        |

#### Top 5 giá trị

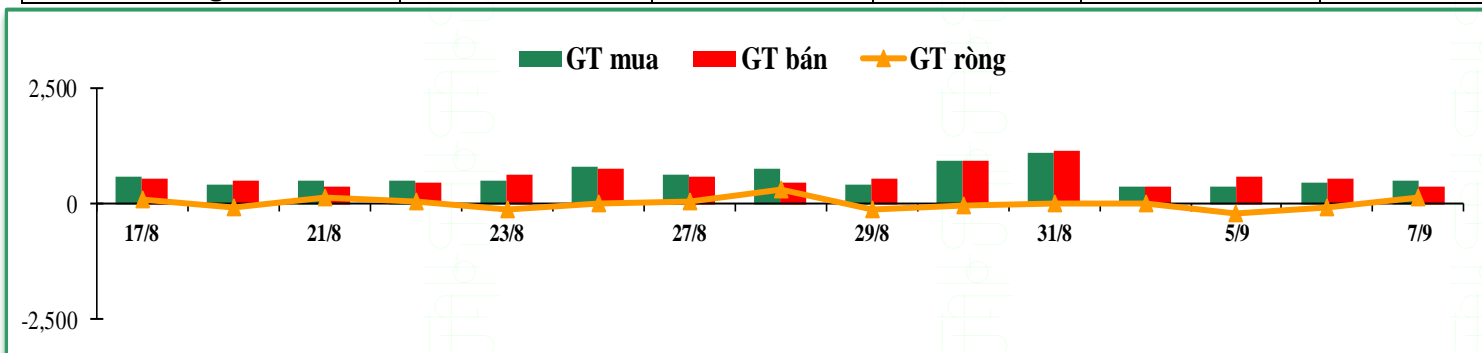
| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PVS   | 20.9                | 163.9             | -0.5%        |
| ACB   | 33.4                | 82.3              | 2.1%         |
| VGC   | 18.9                | 36.3              | 0.0%         |
| SHB   | 8.3                 | 34.6              | 1.2%         |
| SHS   | 14.8                | 15.3              | 2.1%         |

#### Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| PVS   | 20.9                | 7,883.6        | -0.5%        |
| SHB   | 8.3                 | 4,178.3        | 1.2%         |
| DST   | 3.0                 | 3,527.9        | -3.2%        |
| ACB   | 33.4                | 2,486.0        | 2.1%         |
| VGC   | 18.9                | 1,916.4        | 0.0%         |

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

| Sàn GD         | GT Mua       | % Thị trường | GT Bán       | % Thị trường | Mua-Bán      |
|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| HOSE           | 495.5        | 15.9%        | 344.2        | 11.0%        | 151.3        |
| HNX            | 12.5         | 2.4%         | 33.0         | 6.4%         | -20.5        |
| <b>Tổng số</b> | <b>508.0</b> |              | <b>377.2</b> |              | <b>130.8</b> |



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VNM   | 127.1               | 76.7              | 4.1%         |
| HPG   | 39.7                | 68.8              | 2.7%         |
| VCB   | 62.0                | 52.9              | 2.8%         |
| VHM   | 104.8               | 40.6              | -0.2%        |
| MSN   | 95.0                | 25.4              | 0.2%         |

#### Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VNM   | 127.1               | 42.2              | 4.1%         |
| VHM   | 104.8               | 37.6              | -0.2%        |
| MSN   | 95.0                | 24.5              | 0.2%         |
| VIC   | 97.2                | 22.2              | -0.8%        |
| TCB   | 25.3                | 20.1              | 1.8%         |

#### Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| HPG   | 39.7                | 53.6              | 2.7%         |
| VCB   | 62.0                | 48.6              | 2.8%         |
| VNM   | 127.1               | 34.5              | 4.1%         |
| KDC   | 30.7                | 14.3              | 0.0%         |
| HCM   | 61.3                | 10.6              | 3.0%         |

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PVS   | 20.9                | 4.8               | -0.5%        |
| VGC   | 18.9                | 3.8               | 0.0%         |
| DBC   | 28.2                | 2.1               | -2.4%        |
| SHS   | 14.8                | 0.5               | 2.1%         |
| NTP   | 48.3                | 0.3               | -0.4%        |

#### Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VGC   | 18.9                | 13.7              | 0.0%         |
| PVS   | 20.9                | 12.1              | -0.5%        |
| CEO   | 13.2                | 2.5               | -0.8%        |
| TNG   | 12.5                | 1.4               | 2.5%         |
| SHB   | 8.3                 | 0.8               | 1.2%         |

#### Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| DBC   | 28.2                | 2.1               | -2.4%        |
| NTP   | 48.3                | 0.3               | -0.4%        |
| SHS   | 14.8                | 0.3               | 2.1%         |
| LAS   | 11.3                | 0.1               | 0.0%         |
| VCG   | 17.0                | 0.1               | -2.9%        |

## Tin trong nước

### 'Quán quân' thu hút FDI tại TPHCM

heo Sở Công Thương TPHCM, trong 8 tháng năm 2018, công nghiệp chế biến, chế tạo đã thu hút vốn đầu tư nước ngoài ở mức cao nhất so với các lĩnh vực khác, chiếm 24,9% tổng vốn đầu tư FDI trên địa bàn.

Sở Công Thương TPHCM cho biết chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp (IIP) trên địa bàn tháng 8 ước tăng 10,46% so với cùng kỳ năm trước; lũy kế 8 tháng ước tăng 7,51%, trong đó nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tăng 7,64%. Bốn ngành công nghiệp trọng yếu tăng 8,31%, cao hơn mức tăng toàn ngành công nghiệp.

Trong 8 tháng năm 2018, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp (DN) hoạt động ổn định, đồng thời nhờ môi trường đầu tư thuận lợi, thành phố đã thu hút thêm nhiều DN trong nước và các DN FDI hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo. Cụ thể trong 8 tháng, công nghiệp chế biến, chế tạo đã thu hút vốn đầu tư nước ngoài ở mức cao nhất so với các lĩnh vực khác, chiếm 24,9% tổng vốn đầu tư FDI trên địa bàn; trong khi đó vốn đăng ký thành lập doanh nghiệp lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo trong 8 tháng năm 2018 cũng đạt gấp 3,3 lần so với cùng kỳ.

### Không tính dầu thô, đất đai, thu ngân sách 8 tháng đạt thấp nhất 4 năm

Tổng cục Thuế cho biết, tiến độ thu ngân sách 8 tháng năm 2018 (không tính thu từ dầu thô và đất đai) đạt thấp nhất trong 4 năm trở lại đây.

Số liệu mới nhất từ Tổng cục Thuế cho biết, trong 8 tháng đầu năm 2018, tổng thu ngân sách nhà nước do ngành thuế thực hiện ước đạt 724.553 tỷ đồng, bằng 67,7% dự toán, tăng 15,7% so với cùng kỳ.

Trong đó, thu từ dầu thô ước đạt 40.876 tỷ đồng, tăng 35,1% so với cùng kỳ; thu nội địa ước đạt 683.676 tỷ đồng, tăng 14,7% so với cùng kỳ.

Số thu không kể tiền sử dụng đất, cổ tức, lợi nhuận còn lại và thu từ xổ số kiến thiết ước đạt 546.146 tỷ đồng, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước.

Xét về các khoản thu, sắc thuế, Tổng cục Thuế cho biết, nếu so với dự toán thì có 11/17 khoản đạt khá (trên 66%), trong đó một số khoản thu lớn như thuế thu nhập cá nhân ước đạt 69,4%; tiền sử dụng đất 93,2%; thu tiền thuê đất 88,4%; thu cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước 105%; thu cổ tức và lợi nhuận còn lại 67,2%...

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **FTSE Vietnam Index thêm VHM và GEX loại BMP**

#### **FTSE Vietnam All-Share Index thêm vào danh mục hai cổ phiếu VHM và HNG.**

Theo thông báo từ FTSE, trong kỳ điều chỉnh danh mục quý III/2018, FTSE Vietnam Index đã thêm hai cổ phiếu VHM và GEX trong khi loại cổ phiếu BMP ra khỏi danh mục đầu tư kỳ này.

Đối với chỉ số FTSE Vietnam All-Share Index, VHM và HNG là hai cổ phiếu được thêm vào trong khi không có cổ phiếu nào bị loại.

Theo dữ liệu ngày 3/9, VIC là mã chiếm tỷ trọng lớn nhất trong danh mục của FTSE Vietnam Index. Tiếp sau đó là VNM và MSN có tỷ trọng lần lượt 13,95% và 13,86%.

### **Hòa Phát tiêu thụ gần 1,5 triệu tấn thép xây dựng sau 8 tháng**

Hòa Phát kỳ vọng sản lượng vượt mức kế hoạch tiêu thụ 2,3 triệu tấn trong năm nay.

Lũy kế 8 tháng, CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HOSE: HPG) cho biết đạt sản lượng 1,47 triệu tấn thép xây dựng, tăng gần 10% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực miền Trung – Tây Nguyên đạt mức tăng cao nhất với khoảng 18%, trong khi thị trường truyền thống phía Bắc lần đầu tiên tiêu thụ vượt ngưỡng 1 triệu tấn, tăng 9%.

Thị trường xuất khẩu duy trì nhiều đơn hàng tới các thị trường truyền thống như Úc, Campuchia, Mỹ, Malaysia, từng bước khai thác thị trường Canada. Hòa Phát đã xuất khẩu gần 119.000 tấn, chủ yếu là thép thanh, thép cuộn rút dây chất lượng cao với các mác thép như SAE1008, SAE1015, SWRM17.

Từ nay tới cuối năm, thép xây dựng Hòa Phát dự kiến sẽ tập trung đẩy mạnh sản lượng sản xuất của Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Hải Dương, hoàn thiện và sớm đưa dây chuyền cán thép đầu tiên (công suất 600.000 tấn/năm) tại Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất đi vào hoạt động.

### **TNA sẽ chia thưởng cổ phiếu tỷ lệ 139%**

Số cổ phiếu TNA dự kiến phát hành thêm là 17,08 triệu cp.

CTCP Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam (HOSE: TNA) công bố Nghị quyết HĐQT triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Cụ thể, công ty dự kiến phát hành 17,08 triệu cp cho cổ đông hiện hữu từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017, tỷ lệ phát hành 139%. Thời gian thực hiện trong năm 2018, ngay khi Ủy ban chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo về phương án phát hành.

Sau phát hành, vốn điều lệ công ty sẽ tăng từ 125,9 tỷ lên 296,7 tỷ đồng.

Cùng với đó, công ty cũng phát hành 512.009 cổ phần cho cán bộ chủ chốt công ty theo chương trình ESOP. Nguồn thực hiện từ thặng dư vốn cổ phần, lượng cổ phiếu trên bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

Tính đến 30/6, công ty có 9,3 tỷ đồng thặng dư vốn cổ phần, 172,9 tỷ quỹ đầu tư phát triển và 121,4 tỷ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Nửa đầu năm, TNA đạt doanh thu thuần 1.891,5 tỷ đồng, giảm 10,2% so với cùng kỳ năm trước; lãi ròng 45,6 tỷ đồng, giảm 23%.



## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Lý Do                      |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|----------------------------|
| 1   | TCM   | Nắm giữ     | 8/8/2018         | 24.4         | 19.6          | 24.6%          | 26.3         | 34.5%      | 18.3       | -6.4%      | Xu hướng phục hồi tích cực |
| 2   | VGT   | Mua         | 10/9/2018        | 10.2         | 10.2          | 0.0%           | 12.0         | 17.6%      | 9.3        | -8.7%      | Xu hướng phục hồi trở lại  |

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Lý Do   |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---|
| 1   | VSC   | Nắm giữ     | 27/7/2018        | 41.00        | 33.40         | 22.8%          | 43.0         | 29%        | 32.1       | -4%        | Điều chỉnh giá sau khi chia cổ tức 10% tiền mặt |
| 2   | FMC   | Nắm giữ     | 31/7/2018        | 25.05        | 21.00         | 19.3%          | 26.2         | 25%        | 20.0       | -5%        | Nâng giá mục tiêu lên 26.2 ngàn                 |
| 3   | TCM   | Nắm giữ     | 8/8/2018         | 24.35        | 19.55         | 24.6%          | 26.3         | 35%        | 18.3       | -6%        | Nâng giá mục tiêu lên 26.3 ngàn                 |
| 4   | VND   | Nắm giữ     | 22/8/2018        | 22.30        | 20.80         | 7.2%           | 24.0         | 15%        | 19.0       | -9%        |   |
| 5   | GMD   | Mua         | 23/8/2018        | 27.15        | 26.65         | 1.9%           | 29.5         | 11%        | 25.0       | -6%        |   |
| 6   | BMP   | Mua         | 31/8/2018        | 56.50        | 54.20         | 4.2%           | 64.0         | 18%        | 52.4       | -3%        |   |
| 7   | GAS   | Mua         | 31/8/2018        | 100.40       | 105.00        | -4.4%          | 115.0        | 10%        | 100.0      | -5%        |   |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

| Mã CK                     | Sàn   | Thị giá | Giá mục tiêu* | Ngày ra báo cáo | Lợi nhuận 2018E (tỷ) | EPS 2018E | BV 2018E | ROE 2018E | ROA 2018E | PE 2018E | PB 2018E | Cổ tức dự kiến** |
|---------------------------|-------|---------|---------------|-----------------|----------------------|-----------|----------|-----------|-----------|----------|----------|------------------|
| <a href="#">DBC</a> (New) | HNX   | 28,200  | 31,100        | 31/08/2018      | 284                  | 3,429     | 32,647   | 11%       | 4%        | 7.0      | 0.7      | 10%              |
| <a href="#">DRC</a> (New) | HOSE  | 26,900  | 31,100        | 27/08/2018      | 273                  | 2,295     | 12,012   | 28%       | 15%       | 21.5     | 2.5      | 25%              |
| <a href="#">SBT</a> (New) | HOSE  | 19,900  | 25,137        | 22/08/2018      | 775                  | 1,392     | 16,110   | 10%       | 4%        | 18.0     | 1.5      | 6%               |
| <a href="#">HDG</a> (New) | HOSE  | 33,550  | 32,700        | 15/08/2018      | 582                  | 3,630     | 15,976   | 26%       | 6%        | 9.2      | 2.1      | N/A              |
| <a href="#">OIL</a> (New) | HOSE  | 14,200  | 16,354        | 14/08/2018      | 753                  | 692       | 9,541    | 8%        | 3%        | 24.0     | 1.7      | N/A              |
| <a href="#">NVL</a> (New) | HOSE  | 65,100  | 58,130        | 07/08/2018      | 2,886                | 3,094     | 16,190   | 16%       | 7%        | 18.4     | 3.5      | N/A              |
| <a href="#">TCM</a>       | HOSE  | 24,350  | 26,417        | 01/08/2018      | 226                  | 4,163     | 30,101   | 20%       | 7%        | 6.3      | 0.9      | 10%              |
| <a href="#">GMD</a>       | HOSE  | 27,150  | 25,174        | 30/07/2018      | 1,961                | 6,733     | 20,593   | 32%       | 18%       | 3.7      | 1.2      | 80%              |
| <a href="#">NLG</a>       | HOSE  | 30,300  | 37,135        | 27/07/2018      | 748                  | 2,884     | 19,305   | 19%       | 10%       | 10.4     | 1.5      | 5%               |
| <a href="#">PPC</a>       | HOSE  | 17,950  | 21,136        | 18/07/2018      | 1,184                | 2,812     | 17,917   | 21%       | 15%       | 7.5      | 1.2      | 25%              |
| <a href="#">MSN</a>       | HOSE  | 95,000  | 80,800        | 16/07/2018      | 3,971                | 3,414     | 17,461   | 19%       | 6%        | 24.0     | 4.6      | N/A              |
| <a href="#">VCS</a>       | HNX   | 88,600  | 50,500        | 05/07/2018      | 264                  | 4,725     | 31,579   | 16%       | 9%        | 10.6     | 1.6      | 20%              |
| <a href="#">PNJ</a>       | HOSE  | 98,200  | 94,447        | 05/07/2018      | 895                  | 5,519     | 28,179   | 25%       | 18%       | 17.0     | 3.0      | 18%              |
| <a href="#">DHG</a>       | HOSE  | 92,000  | 106,113       | 19/06/2018      | 676                  | 5,751     | 24,796   | 25%       | 17%       | 21.0     | 4.3      | 30%              |
| <a href="#">AAA</a>       | HOSE  | 17,300  | 22,162        | 14/06/2018      | 333                  | 1,993     | 20,135   | 15%       | 6%        | 11.0     | 1.1      | 15-20%           |
| <a href="#">HSG</a>       | HOSE  | 10,400  | 10,700        | 14/06/2018      | 854                  | 2,441     | 15,461   | 15%       | 4%        | 4.3      | 0.7      | 10%              |
| <a href="#">GAS</a>       | HOSE  | 100,400 | 110,300       | 05/06/2018      | 11,463               | 5,953     | 24,552   | 25%       | 17%       | 18.5     | 4.5      | 40%              |
| <a href="#">DXG</a>       | HOSE  | 27,700  | 34,600        | 05/06/2018      | 1,211                | 2,447     | 12,212   | 26%       | 12%       | 13.0     | 2.6      | 20%              |
| <a href="#">NKG</a>       | HOSE  | 12,950  | 21,445        | 29/05/2018      | 542                  | 2,555     | 16,977   | 17%       | 7%        | 5.7      | 0.9      | 10%              |
| <a href="#">MPC</a>       | UPCOM | 36,700  | 85,134        | 11/05/2018      | 769                  | 10,985    | 71,285   | 19%       | 7%        | 8.0      | 1.2      | N/A              |
| <a href="#">PVS</a>       | HNX   | 20,900  | 17,025        | 10/05/2018      | 633                  | 1,418     | 21,972   | 6%        | 3%        | 12.0     | 0.8      | 5%               |

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2018 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 5 413 5479

Fax: (84-8) 5 413 5472

Customer Service: (84-8) 5 411 8855

Call Center: (84-8) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn) Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 5 413 5478

Fax: (84-8) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3 820 8068

Fax: (84-8) 3 820 8206

### Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-4) 6 250 9999

Fax: (84-4) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-8) 3 813 2401

Fax: (84-8) 3 813 2415

### Chi nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-4) 3 933 4566

Fax: (84-4) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-31) 384 1810

Fax: (84-31) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.